TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68/2024/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 16 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông báo số: 48/TB-TA ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long về việc chấp nhận cho bà Phan Thị Đ miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm;

Căn cứ Thông báo số: 09/TB-TA ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long về việc chấp nhận cho bà Phan Thị Đ miễn nộp 320.100 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà phải chịu;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 345/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạn Thị Đ1, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969
2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Bà Trần Thị B tự nguyện trả cho bà Phan Thị Đ 25.610.000 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm mười nghìn đồng*) tiền hụi còn nợ của dây hụi tháng 1.000.000 đồng, xác lập ngày 25/4/2021(dây 21 phần). Bà Đ thống nhất nhận số tiền do bà B trả.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Đ về việc rút lại yêu cầu ông Nguyễn Văn T liên đới cùng bà Trần Thị B trả tiền hụi còn nợ.

Về thời gian trả: Bà Phan Thị Đ và bà Trần Thị B tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị B tự nguyện chịu 320.100 đồng *(Ba trăm hai mươi nghìn, một trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang